

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2596 /UBND-KTN

Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2024

V/v triển khai thực hiện Quyết định
số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024
của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Ngày 12/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 227/QĐ-TTg về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 (*File điện tử kèm theo*); Về việc này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan nghiên cứu Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, khẩn trương tham mưu đề xuất việc lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Đồng Nai đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xử lý theo đúng quy định.

Kết quả thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh trong tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. 2

H\Phường\Trienkhai\QD227-TTg

**K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 227/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025
được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg
ngày 09 tháng 3 năm 2022**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Công điện số 360/CD-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025; Công điện số 1175/CD-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn về chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các địa phương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 04/TTr-BTNMT ngày 18 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Công an (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này); các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại thực hiện theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Công an không làm thay đổi mục tiêu, định hướng không gian, tầm nhìn, chỉ tiêu sử dụng đất, các dự án đã được xác định trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Căn cứ các chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ tại Điều 1 Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) thực hiện:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an khẩn trương hoàn thành việc lập kế hoạch sử dụng đất quốc phòng 5 năm 2021 - 2025, kế hoạch sử dụng đất an ninh 5 năm 2021 - 2025.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương hoàn thành lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ và đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cập nhật biến động, đánh giá kết quả thực hiện, kiểm tra việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tổng hợp báo cáo đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh linh hoạt chỉ tiêu giữa các địa phương chưa sử dụng, sử dụng chưa hiệu quả cho các địa phương có cơ hội thu hút đầu tư, khai thác sử dụng tài nguyên đất hiệu quả để phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổng hợp, tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

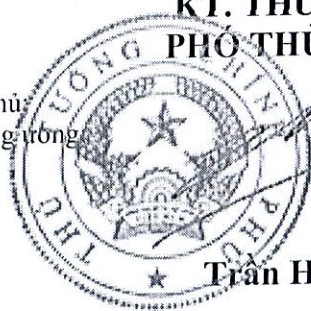
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: CN, QHĐP;
- Lưu: VT, NN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà



Phụ lục LXIV

ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT AN NINH ĐẾN NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

STT	Tỉnh, thành phố	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
	Tổng cộng	70.799
1	Diện Biên	458
2	Lai Châu	124
3	Sơn La	655
4	Hòa Bình	414
5	Hà Giang	197
6	Cao Bằng	156
7	Bắc Kạn	277
8	Tuyên Quang	404
9	Lào Cai	179
10	Yên Bái	434
11	Thái Nguyên	666
12	Lạng Sơn	183
13	Bắc Giang	639
14	Phủ Thọ	1.166
15	Hà Nội	1.226
16	Vĩnh Phúc	571
17	Bắc Ninh	454
18	Quảng Ninh	1.697
19	Hải Dương	484
20	Hải Phòng	312
21	Hưng Yên	187
22	Hà Nam	402
23	Nam Định	164
24	Thái Bình	181
25	Ninh Bình	559
26	Thanh Hóa	4.145
27	Nghệ An	1.652
28	Hà Tĩnh	356
29	Quang Bình	863

STT	Tỉnh, thành phố	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
		1.781
30	Quảng Trị	2.357
31	Thừa Thiên Huế	294
32	Đà Nẵng	2.530
33	Quảng Nam	250
34	Quảng Ngãi	892
35	Bình Định	1.903
36	Phú Yên	1.588
37	Khánh Hòa	672
38	Ninh Thuận	10.659
39	Bình Thuận	175
40	Kon Tum	4.179
41	Gia Lai	2.504
42	Đắk Lắk	1.362
43	Đắk Nông	709
44	Lâm Đồng	577
45	TP.Hồ Chí Minh	1.244
46	Bình Phước	464
47	Tây Ninh	1.903
48	Bình Dương	1.406
49	Đồng Nai	1.219
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.238
51	Long An	1.732
52	Tiền Giang	418
53	Bến Tre	317
54	Trà Vinh	118
55	Vĩnh Long	926
56	Đồng Tháp	356
57	An Giang	2.745
58	Kiên Giang	169
59	Cần Thơ	654
60	Hậu Giang	298
61	Sóc Trăng	181
62	Bạc Liêu	2.774
63	Cà Mau	



Phụ lục XLIX

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025
1	Đất nông nghiệp	451.849
2	Đất phi nông nghiệp	134.504
2.1	Đất an ninh	1.406
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	25.440
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	307
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	224
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1.459
2.3	Đất bãi thải, xử lý chất thải	493
3	Đất khu công nghệ cao	
4	Đất đô thị	49.625



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 326 /QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 93/TTr-BTNMT ngày 09 tháng 12 năm 2021, Công văn số 411/BTNMT-TCQLDD ngày 19 tháng 01 năm 2022 và Công văn số 1072/BTNMT-TCQLDD ngày 03 tháng 3 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (chi tiết tại Phụ lục 1 - 65 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phân bổ tại Điều 1 Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) thực hiện:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương hoàn thành việc lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng 5 năm 2021 - 2025; quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất an ninh 5 năm 2021 - 2025.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương hoàn thành việc lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh; lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; các Bộ, ngành khẩn trương hoàn thành việc lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy

hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan có sử dụng đất bảo đảm tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất, đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; rà soát các quy hoạch có sử dụng đất theo hướng bảo đảm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia; thực hiện việc xác định trên thực địa và khoanh định trên nền bản đồ địa chính đối với các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ và các chỉ tiêu sử dụng đất do địa phương xác định để làm cơ sở xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; việc chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng phải có kế hoạch cụ thể phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai kế hoạch sử dụng đất phải dựa trên kế hoạch huy động tài chính cho công tác thu hồi đất, tái định cư, thu hút các dự án đầu tư, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng đất, không để đất hoang hóa; đảm bảo hiệu quả cả về kinh tế - xã hội và môi trường, phát triển bền vững.

Điều 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt hàng năm theo quy định; Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh chỉ tiêu giữa các địa phương chưa sử dụng, sử dụng chưa hiệu quả cho các địa phương có cơ hội thu hút đầu tư, khai thác sử dụng tài nguyên đất hiệu quả, bền vững, đồng thời làm cơ sở để Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia và lập kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2026 - 2030 theo quy định của pháp luật đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Các địa phương tập trung nguồn lực thực hiện tốt các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch 05 năm (2021 - 2025). Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nhu cầu phát sinh nhu cầu sử dụng đất đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh phù hợp với quy định hoặc trình Quốc hội xem xét điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2026-2030) vào năm 2024.

Đối với các địa phương có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa mà không làm thay đổi tính chất, điều kiện để có thể chuyển đổi trở lại trồng lúa khi cần thiết thực hiện chuyển đổi linh hoạt theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội. Giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tiêu chí, điều kiện để các địa phương thực hiện.

Điều 4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ về phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 02 Bộ: Quốc phòng, Công an, đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đã được Quốc hội quyết định tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021.

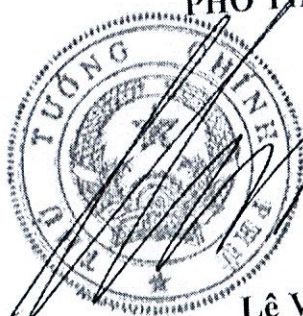
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ: CN, QHĐP;
- Lưu: VT, NN(3). 88

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành

Phụ lục 49

CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐẾN NĂM 2025
PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	436.572	451.973	
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	17.517	20.504	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	16.017	17.207	
1.2	Đất rừng phòng hộ	30.242	31.615	
1.3	Đất rừng đặc dụng	114.018	107.833	
1.4	Đất rừng sản xuất	25.115	29.904	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	11.289	11.289	
2	Đất phi nông nghiệp	149.781	134.380	
	Trong đó:			
2.1	Đất khu công nghiệp	18.543	12.470	
2.2	Đất quốc phòng	13.350	13.075	
2.3	Đất an ninh	1.308	1.220	
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	30.221	25.382	
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	21.888	18.872	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	453	303	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	280	209	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	2.333	1.420	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	720	482	
-	Đất công trình năng lượng	660	468	
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	44	44	
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	4	4	
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	124	80	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	564	512	
3	Đất chưa sử dụng			
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	0	0	
3.2	Đất chưa sử dụng còn lại	9	9	
4	Đất khu kinh tế			
5	Đất khu công nghệ cao	208	208	
6	Đất đô thị	72.377	61.684	

Ghi chú: - Diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm các loại đất nông nghiệp khác như đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản...
- Diện tích đất phi nông nghiệp còn bao gồm các loại đất phi nông nghiệp khác như đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sông, ngòi...
- Diện tích đất khu kinh tế, đất khu công nghệ cao, đất đô thị không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 933 /UBND-KTN

Đồng Nai, ngày 23 tháng 01 năm 2024

V/v tham mưu xử lý hồ sơ chủ trương đầu tư dự án đầu tư Nhà ở xã hội tại khu đất 2,4 ha, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa

Kính gửi:

- Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa.

Sau khi xem xét Báo cáo số 24/BC-SKHĐT ngày 15/01/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội tại khu đất 2,4 ha, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do UBND thành phố Biên Hòa đề xuất đầu tư (File điện tử kèm theo), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Nội dung Báo cáo số 24/BC-SKHĐT ngày 15/01/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ dừng ở việc liệt kê ý kiến của các Sở, ngành, địa phương, chưa thống nhất ý kiến cùng các đơn vị và nêu rõ quan điểm đề xuất trước khi tham mưu UBND tỉnh xử lý hồ sơ dự án Nhà ở xã hội tại khu đất 2,4 ha, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa. Hiện nay việc đầu tư nhà ở xã hội là nhu cầu cấp thiết, UBND tỉnh đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì làm việc cụ thể với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng UBND thành phố Biên Hòa và các đơn vị có liên quan, hướng dẫn UBND thành phố Biên Hòa bổ sung hoàn thiện hồ sơ và đề nghị các Sở, ngành sớm có ý kiến thẩm định làm cơ sở để Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh xem xét thu hồi khu đất 2,4 ha tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa giao cơ quan có thẩm quyền quản lý theo quy định.

Kết quả thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh trước ngày 05/02/2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
- Sở Tài chính;
- Công an tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. 


Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức